TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày 28-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Khoan.

Ông Nông Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1996 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L2, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Bế Thị B; vợ Dương Thị T và 02 người con; tiền án: 02 tiền án; tại bản án số 22/2017/HSST ngày 25/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và tại bản án số 36/2018/HSST ngày 28/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2021 đến nay. Có mặt.

2. Hoàng Đình N, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2001 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị R; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2021 đến nay. Có mặt.

** Bị hại:*

- Anh Đặng Văn L, sinh ngày 14/4/1991. Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bà Dương Thị T, sinh ngày 07/5/1955. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 25/8/1975. Địa chỉ: Thôn L2, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1996, trú tại Thôn L2, xã T, huyện B và Hoàng Đình N, sinh năm 2001, trú tại Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là hai đối tượng nghiện chất ma túy. Do không có công ăn việc làm ổn định nên ngày 30/01/2021, Hoàng Đình N đã rủ Nguyễn Văn L đi trộm cắp tài sản về bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng và có tiền tiêu sài cho bản thân. Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 30/01/2021, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus sr, màu vàng đồng, biển kiểm soát 12T1-6435 đèo Hoàng Đình N, mang theo 01 (một) bao tải và 02 (hai) chiếc đèn pin đi từ nhà của Hoàng Đình N tại Thôn P, xã T, huyện B đi theo đường 243 vào xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đến khoảng 00 giờ 30 phút, khi đi đến khu vực Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thấy nhà của anh Đặng Văn L, sinh năm 1991 vắng vẻ, không có người trông coi, Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N dựng xe lại ngoài đường rồi đi bộ dọc theo bờ rào cạnh nhà vòng ra phía sau, gỡ lưới sắt và trèo vào trong vườn nhà anh Đặng Văn L. Hoàng Đình N bật đèn pin chiếu sáng, đi vào trong chuồng gà bắt gà đưa cho Nguyễn Văn L cất vào bao; Niệm bắt 03 (ba) lần được 11 (mười một) con gà, loại gà ta, gồm cả gà trống, gà mái đưa cho Nguyễn Văn L cất vào 02 (hai) bao tải (gồm một bao tải mang đi từ trước và một bao tải mới nhặt được). Sau khi bắt trộm gà xong, Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N mỗi người cầm một bao tải đựng gà trèo theo lối cũ đi ra ngoài chỗ để xe mô tô trước đó, để một bao phía trước, một bao để phía sau xe mô tô. Sau đó, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô chở theo Hoàng Đình N và số gà trộm cắp được đi theo đường 243 về thị trấn Bắc Sơn, huyện B; khi đến cầu Phai Rầm thuộc thôn Thâm Pát, xã Bắc Quỳnh, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thì dừng xe lại, Hoàng Đình N và Nguyễn Văn L mang hai bao tải gà trộm cắp được cất dấu tại một bãi ruộng gần đó để đợi trời sáng thì đem đi bán. Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 30/01/2021, Nguyễn Văn L tiếp tục rủ Hoàng Đình N đi trộm gừng núi và được Hoàng Đình N đồng ý, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô chở Hoàng Đình N đi theo hướng xã Hững Vũ, huyện B đến nhà bà Dương Thị T, sinh năm 1955, tại Thôn B, xã B thì dừng

lại. Ngó nhìn vào trong vườn nhà bà Dương Thị T thấy có trồng gừng núi, Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N trèo tường vào trong vườn và lấy trộm 06 (sáu) khóm cây gừng núi, bó thành 02 bó và cho vào một túi nilon nhặt được ở gần đó, rồi cùng nhau trèo tường ra ngoài. Sau khi trộm được gừng núi, Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N quay trở lại nơi cất giấu gà ở khu vực cầu Phai Rầm và ngồi đợi trời sáng. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 30/01/2021, Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N đem số gà và gừng núi trộm cắp được đến chợ trung tâm thị trấn Bắc Sơn, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để bán thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, tạm giữ 11 con gà (gồm 02 con gà trống và 09 con gà mái) có tổng khối lượng là 19,8 kg và 02 (hai) bó cây gừng núi có khối lượng là 4,4 kg và đưa người cùng tang vật về trụ sở Công an để điều tra, làm rõ về hành vi trộm cắp tài sản.

Cùng ngày 30/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra yêu cầu định giá tài sản số 04 yêu cầu định giá tài sản là tang vật thu giữ của Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N gửi đến Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Tại bản kết luận số 01/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B (bút lục 30) kết luận:

- 11 (mười một) con gà (loại gà ta) có khối lượng 19,8 kg, trong đó có 02 (hai) con gà trống có khối lượng 4,2 kg; 09 (chín) con gà mái có khối lượng là 15,6 kg có giá trị tại thời điểm định giá là 1.670.000đ (một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng);

- 4,4 kg gừng núi có giá trị tại thời điểm định giá là 887.333đ (tám trăm tám mươi bẩy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N đã trộm cắp là 2.557.333đ (hai triệu năm trăm năm mươi bẩy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) làm tròn số là 2.557.000đ (hai triệu năm trăm năm mươi bẩy nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKS –BS ngày 12/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N khai nhận, hành vi trộm cắp tài sản như Cáo trạng truy tố ra trước Tòa là đúng.

Các bị hại anh Đặng Văn L và bà Dương Thị T đã nhận lại gà, gừng núi; không có ý kiến bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xử các bị cáo đúng theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C đề nghị xin lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus sr, màu vàng đồng, biển kiểm soát 12T1-6435 mà cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ vì chiếc xe đó là xe của ông mua lại tại của hàng xe máy Phong ở thôn L, xã L, huyện B; khi bị cáo Nguyễn Văn L mang đi trộm cắp tài sản ông không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N phạm tội Trộm cắp tài sản:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 47; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 năm đến 03 năm tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2021 đến nay.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 47; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Đình N từ 01 năm đến 02 năm tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2021 đến nay.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo vì bản thân các bị cáo là người nghiện, sống phụ thuộc gia đình, không có thu nhập, tài sản riêng.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 02 đèn pin của hai bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội; trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus sr, màu vàng đồng, biển kiểm soát 12T1-6435 cho ông Nguyễn Văn C là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bột luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng các bị cáo xin đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng và cũng phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/01/2021, tại Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn Nguyễn Văn L, sinh năm 1996, trú tại Thôn L2, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và Hoàng Đình N, sinh năm 2001, trú tại Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã có hành vi trộm cắp 11 (mười một) con gà (loại gà ta) gồm 02 (hai) con gà trống và 09 (chín) con gà mái của anh Đặng Văn L, sinh năm 1991, trú tại Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đến khoảng 02 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 06 (sáu) khóm cây gừng núi tại vườn nhà của bà Dương Thị T, sinh năm 1955, trú tại Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N đã trộm cắp tại thời điểm định giá là 2.557.000đ (hai triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

[3] Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản làm việc của Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn; phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và kết quả giám định vật chứng thu giữ của các bị cáo. Đó là 11 (mười một) con gà (loại gà ta) có khối lượng 19,8 kg, trong đó có 02 (hai) con gà trống có khối lượng 4,2 kg; 09 (chín) con gà mái có khối lượng là 15,6 kg có giá trị tại thời điểm định giá là 1.670.000đ (một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng); 4,4 kg gừng núi có giá trị tại thời điểm định giá là 887.333đ (tám trăm tám mươi bẩy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N đã trộm cắp là 2.557.333đ (hai triệu năm trăm năm mươi bẩy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) làm tròn số là 2.557.000đ (hai triệu năm trăm năm mươi bẩy nghìn đồng). Do đó có căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo hoàn toàn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng đây là vụ án có đồng phạm nhưng giản đơn, bản thân các bị cáo đều là người nghiện ma túy, khi có cơ hội thấy tài sản của người khác có giá trị là các bị cáo tìm cách để lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trong vụ án này các bị cáo đều có ý thức thực hiện hành vi đến cùng, lợi dụng đêm khuya khi các bị hại đã ngủ, các

bị cáo đã trèo vào nhà đã lấy trộm và nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo thực hiện là coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Vai trò hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo tương đương nhau. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn L đã có hai tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà vẫn còn tiếp tục vi phạm pháp luật; còn bị cáo Hoàng Đình N có nhân thân tốt. Do vậy, mức án của hai bị cáo có khác nhau mới tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo Hoàng Đình N còn được hưởng một tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn L có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Hoàng Đình N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình mà pháp luật hình sự nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện, điều đó thể hiện các bị cáo coi thường pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn L có 02 (hai) tiền án. Cả hai bị cáo đều là người nghiện ma túy.

[8] Về hình phạt bổ sung quy định trong luật, tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Nhưng xét thấy các bị cáo là người nghiện chất ma túy, không có tài sản và thu nhập ổn định theo biên bản xác minh ngày 12/3/2021 của Cơ quan điều tra Công an huyện B nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[9] Đối với yêu cầu xin trả lại tài sản là xe mô tô của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 02 (hai) chiếc đèn pin của hai bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội; trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus sr, màu vàng đồng, biển kiểm soát 12T1-6435 cho ông Nguyễn Văn C là chủ sở hữu hợp pháp. Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp (theo biên bản trả lại đồ vật, tài sản ngày 31/01/2021 của Công an huyện B) để quản lý sử dụng.

[12] Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, các bị

cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt cũng như các ván đề khác đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38, Điều 47; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 47; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hoàng Đình N.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 262; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2021 đến nay.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình N 01 (một) năm tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2021 đến nay.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Xử lý vật chứng:

Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc đèn pin hình trụ tròn, loại sach điện màu đỏ, dài khoảng 10cm, đường kính khoảng 02cm (cũ đã qua sử dụng) và 01 (một) chiếc đèn pin hình trụ tròn, loại sạc điện, màu trắng, hồng, dài khoảng 11cm, đường kính khoảng 02cm (cũ đã qua sử dụng) của hai bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus sr, màu vàng đồng, biển kiểm soát 12T1-6435 cho ông Nguyễn Văn C là chủ sở hữu hợp pháp.

Những vật chứng, tài sản trên được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện B với Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 12 tháng 4 năm 2021.

Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đặng Văn L và bà Dương Thị T (theo biên bản trả lại đồ vật, tài sản ngày 31/01/2021 của Công an huyện B) để quản lý sử dụng.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L và Hoàng Đình N mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt